

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S
THÀNH PHỐ HCM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 798/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 24/10/2019

V/v vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN S – THÀNH PHỐ HCM**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hồng Nam

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

2. Ông Nguyễn Văn Thông

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Thoir – Thư ký Tòa án nhân dân QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 35/2019/TLST-HN ngày 09 tháng 01 năm 2019 về việc “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 408/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 9 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Phùng Thị Kim P**, sinh năm 1985;

Địa chỉ: 126 Đường số T, Phường MM, QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM

Bị đơn: Ông **Nguyễn Chí Vũ L**, sinh năm 1984.

Địa chỉ: 126 Đường số T, Phường MM, QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn đề ngày 14/12/2018 cùng các bản tự khai, nguyên đơn bà Phùng Thị Kim P trình bày:

Bà và ông Nguyễn Chí Vũ L tự nguyện chung sống từ năm 2012, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường MM, QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM theo Giấy chứng nhận kết hôn số 170 quyền số 01/2012 ngày 31/8/2012. Mâu thuẫn vợ chồng phát sinh từ năm 2016, do công việc làm ăn của ông L không thuận lợi dẫn đến mâu thuẫn về tài chính, mặt khác ông L thường xuyên vay nợ, không có khả

năng chi trả. Tuy bà với ông L vẫn sống chung nhà nhưng việc ai người nấy làm, không quan tâm, chăm sóc nhau. Nay nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng trầm trọng, không thể hàn gắn được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên bà xin ly hôn với ông L.

Về con chung: Vợ chồng sống chung có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/12/2013. Bà P đề nghị giao trẻ Quang cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận.

Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận.

Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Chí Vũ L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, không thể hiện ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay bà Phùng Thị Kim P xin vắng mặt, ông Nguyễn Chí Vũ L vắng mặt không lý do.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S tham dự phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về trình tự thủ tục tố tụng dân sự: Ngày 02/01/2018 ông Nguyễn Chí Vũ L và bà Phùng Thị Kim P nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; tuy nhiên Tòa án đã triệu tập ông L đến lần thứ hai, nhưng ông L không đến Tòa án. Do đó ngày 06/6/2019 Tòa án nhân dân QUẬN S đã chuyển việc dân sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Chí Vũ L và bà Phùng Thị Kim P thành vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình. Từ khi thụ lý vụ án, Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của pháp luật đến trước khi xét xử; Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tại phiên tòa sơ thẩm, đảm bảo nguyên tắc xét xử. Người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Bà Phùng Thị Kim P và ông Nguyễn Chí Vũ L có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bà P, ông L có 01 con chung, quá trình sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn, bà P và ông L trước đó cùng nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, tuy nhiên sau đó ông L bỏ mặc bà P giải quyết tình trạng mâu thuẫn gia đình. Xét thấy không còn khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, việc bà P, ông L nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn và việc bà P giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn ông L là có cơ sở chấp nhận. Về con chung: bà P đề nghị giao trẻ Quang cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng, đây cũng là ý kiến của ông L tại đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn. Do đó đề nghị Hội đồng xét xử giao con chung cho ông L chăm sóc nuôi dưỡng sau khi ly hôn. Tài sản chung, nợ chung: các đương sự khai không có.

Căn cứ khoản 1 Điều 56; Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình. Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà Phùng Thị Kim P.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, các lời khai, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành các thủ tục tố tụng theo quy định pháp luật. Mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng suốt quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Chí Vũ L vắng mặt không lý do, cũng không có ý kiến phản hồi.

Đối với sự vắng mặt của nguyên đơn tại phiên tòa, xét thấy quá trình chuẩn bị xét xử nguyên đơn đều có mặt, đã có lời khai cũng như đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cần thiết cho việc giải quyết vụ án. Ngày 07/10/2019, Nguyên đơn có đơn xin vắng mặt, nên việc xét xử vắng mặt nguyên đơn là phù hợp với quy định của pháp luật.

Căn cứ điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án giải quyết vắng mặt các đương sự theo thủ tục chung.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngày 02/01/2018 ông Nguyễn Chí Vũ L và bà Phùng Thị Kim P nộp đơn yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn; tuy nhiên Tòa án đã triệu tập ông L đến lần thứ hai, nhưng ông L không đến Tòa án; bà Phùng Thị Kim P vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do đó ngày 06/6/2019 Tòa án nhân dân QUẬN S đã chuyển việc dân sự thuận tình ly hôn giữa ông Nguyễn Chí Vũ L và bà Phùng Thị Kim P thành “vụ án ly hôn – mâu thuẫn gia đình” theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 đồng thời xác định bà Phùng Thị Kim P là nguyên đơn, ông Nguyễn Chí Vũ L là bị đơn.

[3] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn cư trú tại địa chỉ 126 Đường số T, Phường MM, QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân QUẬN S, THÀNH PHỐ HCM.

[4] Về yêu cầu của đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Về quan hệ hôn nhân: bà Phùng Thị Kim P và ông Nguyễn Chí Vũ L quen biết, tự nguyện kết hôn và được Ủy ban nhân dân Phường MM, QUẬN S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 170 quyển số 01/2012 ngày 31/8/2012 nên đủ cơ sở xác định hôn nhân giữa bà Phùng Thị Kim P và ông Nguyễn Chí Vũ L là hợp pháp, được pháp luật công nhận là vợ chồng.

Xét, vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Nhưng từ năm 2012, bà P, ông L phớt lờ sinh nhiều mâu thuẫn, hai vợ tuy sống chung nhà nhưng không ai quan tâm đến ai.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải, tạo điều kiện cho bà P, ông L hàn gắn hạnh phúc gia đình, nhưng ông L vắng mặt. Tại phiên tòa, mặc dù đã được tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập nhưng ông vẫn vắng mặt, không thể hiện ý kiến. Điều này chứng tỏ ông L không còn tha thiết cuộc sống vợ chồng với

bà P, không thiện chí nên gây hạnh phúc gia đình, cố tình để mặc bà P tự giải quyết việc mâu thuẫn vợ chồng.

Qua những phân tích trên cho thấy: quan hệ vợ chồng giữa bà P, ông L đã trầm trọng, vợ chồng không thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau, khả năng đoàn tụ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, yêu cầu ly hôn của bà P là có cơ sở chấp nhận.

[4.2] Về con chung: Bà P và ông L có 01 con chung tên Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/12/2013. Xét ý kiến của các đương sự cũng như quyền lợi về sự phát triển toàn diện của trẻ Quang, trên cơ sở xem xét đầy đủ các điều kiện để được chăm sóc, nuôi dưỡng con chung, Hội đồng xét xử giao trẻ Quang cho ông L trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con: tự thỏa thuận.

[4.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:

[5.1] Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Phùng Thị Kim P chịu theo quy định của pháp luật. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0010713 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự QUẬN S, bà Phùng Thị Kim P phải nộp bổ sung số tiền 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

[5.1] Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng mà ông Nguyễn Chí Vũ L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2018/0010713 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự QUẬN S.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; điểm a, b Khoản 2 Điều 227; Khoản 1, Khoản 3 Điều 228; Điều 273, Khoản 5 Điều 397 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2006 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ vợ chồng: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho ly hôn giữa bà Phùng Thị Kim P và ông Nguyễn Chí Vũ L.

2. Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Giao trẻ Nguyễn Minh Q, sinh ngày 16/12/2013 cho ông Nguyễn Chí Vũ L trực tiếp nuôi dưỡng đến khi đủ 18 tuổi. Việc cấp dưỡng nuôi con: Tự thỏa thuận.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà Phùng Thị Kim P có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, không ai được cản trở.

Vì lợi ích con chung, khi có yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi mức cấp dưỡng, người trực tiếp nuôi con theo quy định pháp luật.

3. Về tài sản chung và nợ chung: bà Phùng Thị Kim P xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) bà Phùng Thị Kim P phải chịu. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí lệ phí là 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) mà bà P đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0010713 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự QUẬN S; bà Phùng Thị Kim P phải nộp bổ sung số tiền 150.000 đồng tiền án phí hôn nhân sơ thẩm.

Sung vào công quỹ nhà nước số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng mà ông Nguyễn Chí Vũ L đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng lệ phí Tòa án số AA/2018/0010713 ngày 09/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự QUẬN S.

5. Giấy chứng nhận kết hôn số 170 quyển số 01/2012 ngày 31/8/2012 do Ủy ban nhân dân Phường MM, QUẬN S cấp hết hiệu lực kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

6. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án. Viện kiểm sát được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TPHCM;
- Viện kiểm sát nhân dân QUẬN S;
- Chi cục Thi hành án dân sự QUẬN S;
- Ủy ban nhân dân P11, Q6
- Các đương sự (để thi hành);
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Nam